T năm 1974 đ n năm 2005 h c sinh c a Kh i đã đ t đ c 59 gi i qu c t v Toán h c. Đ c bi t có 20 Huy ch ng Vàng, có 4 h c sinh đ t Huy ch ng Vàng hai năm li n là Ngô B o Châu, Đào H i Long, Ngô Đ c Tu n, Lê Hùng Vi t B o.T năm 1989 đ n 2005, h c sinh c a Kh i đã đ t đ c 26 gi i qu c t v Tin h c. Đ c bi t Nguy n Ng c Huy hai năm li n đ t Huy ch ng Vàng.

***Thành tích thi Olympic Toán qu c t***

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1974 | CHLB Đ c | Hoàng Lê Minh | Huy ch ng Vàng |
| | | Đ ng Hoàng Trung | Huy ch ng Đ ng |
| 1975 | Bulgaria | Nguy n Minh Đ c | Huy ch ng B c |
| | | Phan Vũ Di m H ng | Huy ch ng Đ ng |
| | | Nguy n Long | Huy ch ng Đ ng |
| 1976 | Australia | Nguy n Th Thi u Hoa | Huy ch ng B c |
| 1979 | Anh | Ph m Ng c Anh C ng | Huy ch ng B c |
| 1982 | Hungaria | Tr n Minh | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n H u Hoàn | Huy ch ng Đ ng |
| 1984 | Ti p kh c | Đàm Thanh S n | Huy ch ng Vàng |
| 1985 | Ph n lan | Nguy n Ti n Dũng | Huy ch ng Vàng |
| 1986 | Balan | Phùng H H i | Huy ch ng Đ ng |
| | | Nguy n Tu n Trung | Huy ch ng Đ ng |
| 1987 | Cuba | Đoàn Qu c Chi n | Huy ch ng Đ ng |
| | | Nguy n H u Tu n | Huy ch ng Đ ng |
| 1988 | Australia | Ngô B o Châu | Huy ch ng Vàng |
| 1989 | CHLB Đ c | Ngô B o Châu | Huy ch ng Vàng |
| | | Bùi H i H ng | Huy ch ng B c |
| | | Hà Huy Minh | Huy ch ng Đ ng |
| 1990 | Trung Qu c | Ph m Xuân Du | Huy ch ng B c |
| 1991 | Thu Đi n | Hà Huy Tài | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n H i Hà | Huy ch ng Đ ng |
| 1992 | CHLB Nga | Nguy n Xuân Đào | Huy ch ng Vàng |
| | | Nguy n Qu c Khánh | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n Thành Công | Huy ch ng Đ ng |
| | | Nguy n Thu Linh | Huy ch ng Đ ng |
| 1993 | Th Nhĩ K | Nguy n Chu Gia V ng | Huy ch ng Vàng |
| 1994 | H ng Kông | Đào H i Long | Huy ch ng Vàng |
| | | Nguy n Quí Tu n | Huy ch ng B c |
| | | Tr n Ng c Nam | Huy ch ng B c |
| | | Tô Đông Vũ | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n Chu Gia V ng | Huy ch ng B c |
| 1995 | Canada | Ngô Đ c Tu n | Huy ch ng Vàng |
| | | Đào H i Long | Huy ch ng Vàng |
| | | Nguy n Th Trung | Huy ch ng B c |
| | | Ph m Quang Tu n | Huy ch ng B c |
| 1996 n Đ | | Ngô Đ c Tu n | Huy ch ng Vàng |
| | | Nguy n Thái Hà | Huy ch ng Vàng |
| | | Ph m Lê Hùng | Huy ch ng B c |
| | | Đ Qu c Anh | Huy ch ng Đ ng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1997 | Achentina | Đ Qu c Anh | Huy ch ng Vàng |
| | | Ph m Lê Hùng | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n Anh Tú | Huy ch ng B c |
| 1998 | Đài loan | Ph m Huy Tùng | Huy ch ng B c |
| | | Đào Th Thu Hà | Huy ch ng Đ ng |
| 1999 | Rumani | Bùi M nh Hùng | Huy ch ng Vàng |
| | | Ph m Tr n Quân | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n Trung Tú | Huy ch ng B c |
| 2000 | Hàn Qu c | Nguy n Minh Hoài | Huy ch ng Vàng |
| | | Bùi Vi t L c | Huy ch ng Vàng |
| | | Đ Đ c Nh t Quang | Huy ch ng Vàng |
| | | Cao Vũ Dân | Huy ch ng B c |
| 2001 | H p ch ng qu c Hoa K | Lê Anh Vinh | Huy ch ng B c |
| 2002 | Anh | Ph m H ng Vi t | Huy ch ng B c |
| 2003 | Nh t B n | Lê Hùng Vi t B o | Huy ch ng Vàng |
| 2004 | Hyl p | Lê Hùng Vi t B o | Huy ch ng Vàng |
| | | Ph m Kim Hùng | Huy ch ng Vàng |
| 2005 | Mêhicô | Ph m Kim Hùng | Huy ch ng B c |
| | | Nguy n Tr ng Th | Huy ch ng Đ ng |

| ***Thành tích thi Olympic Tin h c qu c t*** | **NŁm** | **Nž c ŏŁng cai t ch k** | **và tên h c sinh** | **Thành tích** |
|---|---|---|---|---|
| 1989 | Bulgaria | Nguy n Anh Linh | Huy ch ng Đ ng | |
| 1990 | Liên Xô | Nguy n Anh Linh | Huy ch ng Đ ng | |
| | | Tr n Hoài Linh | Huy ch ng B c | |
| | | Nguy n Vi t Hà | Huy ch ng Đ ng | |
| 1991 | Hy l p | Đàm Hi u Chí | Huy ch ng Đ ng | |
| 1992 | CHLB Đ c | Hà Công Thành | Huy ch ng Đ ng | |
| | | Lê Văn Trí | Huy ch ng Đ ng | |
| 1993 | Argentina | Ph m Vi t Th ng | Huy ch ng Đ ng | |
| 1994 | Th y Đi n | Tr ng Xuân Nam | Huy ch ng B c | |
| | | Tr n Minh Châu | Huy ch ng B c | |
| | | Ph m B o S n | Huy ch ng B c | |
| 1995 | Hà Lan | Ph m B o S n | Huy ch ng B c | |
| | | Bùi Th Duy | Huy ch ng Đ ng | |
| 1996 | Hungari | Bùi Th Duy | Huy ch ng Đ ng | |
| | | Nguy n Thúc D ng | Huy ch ng Đ ng | |
| 1997 | Nam phi | V ng Phan Tu n | Huy ch ng B c | |
| 1998 | B đào nha | Tr n Tu n Anh | Huy ch ng Đ ng | |
| 1999 | Th nhĩ k | Nguy n Ng c Huy | Huy ch ng Vàng | |
| 2000 | B c Kinh | Nguy n Ng c Huy | Huy ch ng Vàng | |
| | | Ph m Kim C ng | Huy ch ng B c | |
| 2002 | Hàn Qu c | Nguy n Văn Hi u | Huy ch ng B c | |
| 2003 | H p ch ng qu c Hoa K | Nguy n Lê Huy | Huy ch ng Vàng | |
| | | Cao Thanh Tùng | Huy ch ng B c | |
| | | Ph m Tr n Đ c | Huy ch ng Đ ng | |
| | | Đinh Ng c Th ng | Huy ch ng Đ ng | |
| 2004 | Hyl p | Lê M nh Hà | Huy ch ng Đ ng | |

**THÀNH TÍCH THI OLYMPIC TOÁN KHU V C CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 1996 | Ngô Đ c | Tu n | Huy ch ng Vàng |
| Nguy n Anh | Tú | Huy ch ng B c | | | | | |
| Nguy n Bá | Hùng | Huy ch ng Đ ng | | | | | |
| Ph m Lê | Hùng | Huy ch ng Đ ng | | | | | |
| Mai Phú | S n | Huy ch ng Đ ng | | | | | |
| Nguy n Hoàng | D ng | Huy ch ng Đ ng | | | | | |
| Đinh Thành | Trung | Huy ch ng Đ ng | | | | | |
| Nguy n Thái | Hà | B ng khen | | | | | |
| Nguy n Quang | Nghĩa | B ng khen | | | | | |
| | 2001 | Lê Anh | | Vinh | Huy ch ng Vàng | | |
| Tr n Minh | Quân | Huy ch ng Đ ng | | | | | |

Năm 1996, h c sinh c a Khi đã đ t 9/10 Huy ch ng c a đoàn Vi t Nam.